

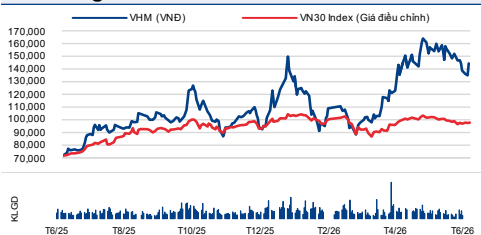
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ163,400
Tiềm năng tăng/giảm: 12.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/6/2026)	145,300
Mã Bloomberg	VHM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	70,200-164,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	139,460
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	596,807
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	22,666
Slg CP lưu hành (tr.đv)	4,107
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,013
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,557
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	11.1%
Tỷ lệ freefloat	15.0%
Cổ đông lớn	Vingroup (73.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	153,271	193,210	245,736
EBITDA đc (tỷ đồng)	40,555	79,390	83,405
LNTT (tỷ đồng)	52,810	83,287	90,426
LNT ĐC (tỷ đồng)	41,897	62,276	66,159
FCF (tỷ đồng)	25,758	(49,904)	38,238
EPS ĐC (đồng)	10,200	15,162	16,107
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	57,963	73,125	89,232
T.trưởng EBITDA (%)	(8.32)	95.8	5.06
T.trưởng EPS ĐC (%)	31.7	48.6	6.24
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	26.5	41.1	33.9
Tỷ suất LNTTT (%)	34.5	43.1	36.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	27.3	32.2	26.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	77.3	64.7	43.4
ROAE (%)	19.0	23.1	19.8
ROACE (%)	10.5	15.6	14.7
EV/doanh thu (lần)	4.52	3.85	2.87
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.1	9.36	8.45
P/E ĐC (lần)	14.2	9.58	9.02
P/B (lần)	2.51	1.99	1.63
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vinhomes, một công ty con của Vingroup, là công ty phát triển bất động sản nhà ở lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Hồ Thị Kiều Trang, CFA
Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Đoàn Bảo Anh Tuấn
Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
tuan.dba@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Trúng thầu hợp đồng EPC cho các dự án metro

- VHM cùng với Vinspeed (công ty con của VIC) đã được lựa chọn làm tổng thầu EPC cho 5 tuyến metro mới tại Hà Nội với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 55 tỷ USD. Trên cơ sở cấu trúc chi phí thông thường (phần việc EPC chiếm khoảng 45% – 60% tổng giá trị dự án), HSC ước tính giá trị hợp đồng EPC tiềm năng cho liên danh này có thể đạt từ 25-33 tỷ USD.
- Nếu được triển khai thành công, các dự án này có thể tạo ra nguồn doanh thu xây dựng định kỳ lớn cho VHM trong vòng 4-8 năm tới, đồng thời giúp công ty duy trì lợi thế đón đầu làn sóng phát triển đô thị gắn liền với giao thông công cộng (TOD) và sự gia tăng giá trị BĐS tại các đại đô thị do công ty phát triển. Mặc dù vậy, việc quản lý vốn lưu động là yếu tố then chốt trong mảng xây dựng và có thể bài toán này sẽ mang lại rủi ro dòng tiền lớn đối với một nhà thầu chưa có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng tàu điện ngầm như VHM.
- Chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: VHM trúng thầu hợp đồng EPC cho một số tuyến metro tại Hà Nội

Vinhomes (VHM), trong liên danh cùng VinSpeed (công ty con chuyên về đường sắt tốc độ cao của Vingroup), được chỉ định làm tổng thầu EPC cho 5 tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội, bao gồm các Tuyến số 1, 2, 8, 10 và 14. Ngày 22/6/2026, UBND Thành phố Hà Nội đã chính thức tổ chức lễ khởi công cho chuỗi dự án hạ tầng trọng điểm này.

Tiềm năng tăng trưởng doanh thu xây dựng định kỳ sẽ phụ thuộc vào tỷ suất lợi nhuận và nhu cầu vốn lưu động

Năm tuyến metro này (Tuyến số 1, 2, 8, 10 và 14) có tổng chiều dài khoảng 303,5 km, cấu thành nên Giai đoạn 1 thuộc quy hoạch tổng thể mạng lưới đường sắt đô thị dài hạn của Hà Nội (quy mô toàn mạng lưới gồm 18 tuyến với tổng chiều dài khoảng 979 km). Tất cả các tuyến đều được phát triển theo mô hình TOD (phát triển đô thị gắn liền với giao thông công cộng), tích hợp việc xây dựng đường sắt với phát triển quỹ đất đô thị xung quanh các nhà ga. Tổng mức đầu tư của 5 tuyến metro này lên tới khoảng 1.460 nghìn tỷ đồng (khoảng 55 tỷ USD). Thông tin chi tiết được trình bày trong Bảng 1.

Quan điểm của HSC: Công ty hiện chưa đưa ra bất kỳ định hướng nào liên quan đến giá trị hợp đồng dự kiến, tỷ suất lợi nhuận hay nhu cầu vốn cho các dự án này.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/6.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Năm tuyến metro được Hà Nội khởi công ngày 22/6

Tuyến	Tuyến (rút gọn)	Chiều dài (km)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng mức đầu tư (tỷ USD)
Tuyến 1	Hùng Vương – Ngọc Hồi – Ga Hà Nội – Yên Viên – Nội Bài	~81.0	389,527	14.74
Tuyến 2	Nội Bài – Trần Hưng Đạo – Thượng Đình	~56.5	271,708	10.28
Tuyến 8	Hòa Lạc – Mai Dịch – Vành đai 3 – Dương Xá	~91.0	437,638	16.56
Tuyến 10	Cổ Loa – Võ Chí Công – Vành đai 3 – Times City – Cổ Loa	~43.0	206,786	7.83
Tuyến 14	Cầu Thăng Long – Ocean Park	~32.0	153,906	5.82
Tổng		~303.5	1,459,565	55.23

Nguồn: HSC tổng hợp

Theo ước tính của chúng tôi, dựa trên giả định các hợp đồng EPC giao cho Vinhomes chủ yếu bao gồm các gói thầu xây lắp dân dụng (nhà ga, hầm ngầm, cầu cạn, đường ray và hạ tầng kỹ thuật liên quan), giá trị hợp đồng có thể chiếm khoảng 45-60% tổng mức đầu tư dự án, mức tỷ trọng phổ biến đối với các dự án đường sắt đô thị. Dựa trên giả định này, giá trị hợp đồng tiềm năng từ các tuyến metro nói trên có thể dao động trong khoảng 25-33 tỷ USD.

Với giả định tỷ suất lợi nhuận thuần lần lượt ở mức khoảng 2%, 4% và 6%, đóng góp lợi nhuận tiềm năng có thể đạt từ 500 triệu đến 1,98 tỷ USD, được phân bổ trong vòng 4-8 năm theo tiến độ xây dựng của các dự án này. Lưu ý rằng chúng tôi hiện chưa có thông tin chi tiết về tỷ lệ phân chia lợi nhuận giữa Vinhomes và Vinspeed.

Bảng 2: Ước tính lợi nhuận thuần từ hợp đồng EPC của 5 tuyến metro

	Giá trị HĐ ước tính	Giả định tỷ suất lợi nhuận	Tổng lợi nhuận thuần
Kịch bản 1	25-33 tỷ USD	2%	500-600 triệu USD
Kịch bản 2	25-33 tỷ USD	4%	1,0-1,32 tỷ USD
Kịch bản 3	25-33 tỷ USD	6%	1,5-1,98 tỷ USD

Nguồn: HSC ước tính

Nếu được triển khai thành công, nguồn doanh thu này sẽ củng cố cấu trúc lợi nhuận của công ty. Quan trọng hơn hết, HSC đánh giá tiềm năng tăng trưởng từ việc khai thác mô hình phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng là rất lớn, mặc dù chúng tôi vẫn đang chờ đợi thêm những chia sẻ từ phía công ty sau thông báo dừng mở rộng quỹ đất.

Mặt khác, chúng tôi lưu ý rằng công tác quản trị vốn lưu động là yếu tố sống còn đối với các công ty xây dựng trong bối cảnh tỷ suất lợi nhuận gộp của ngành tương đối mỏng. Do cả Vinhomes và Vinspeed đều chưa có bề dày thành tích trong mảng thi công đường sắt đô thị (dù Vinhomes sở hữu năng lực dày dặn trong việc triển khai hạ tầng kỹ thuật như đường bộ, cầu cạn), khả năng triển khai thực tế và quản trị dòng tiền dự án sẽ là những biến số then chốt cần được theo dõi chặt chẽ.

Cập nhật tiến độ dự án: Nhằm hỗ trợ công tác chuẩn bị triển khai, liên danh VHM - VinSpeed đã bắt đầu giải ngân và huy động các nguồn lực tiền thi công. Cụ thể, hệ thống máy đào hầm phản lực TBM đã được đặt hàng, đồng thời công ty đã hoàn tất mua sắm hơn 200 dây chuyền thi công cọc khoan nhồi. Song song đó, công tác lập thiết kế kỹ thuật chi tiết đang được đẩy mạnh phối hợp cùng các đơn vị tư vấn hàng đầu từ Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Đối với phân khúc thiết bị đầu máy toa xe và giải pháp hệ thống lõi, liên danh sẽ tiến hành nhập khẩu hoàn toàn từ các nhà cung cấp Châu Âu – tương tự cấu trúc chuỗi cung ứng hiện tại của VinSpeed, nơi Herrenknecht (Đức) và Siemens (Đức) lần lượt là các đối tác cung ứng thiết bị TBM và đầu máy toa tàu.

Xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu

Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	102,323	153,271	193,210	245,736	266,733
Lợi nhuận gộp	32,967	46,343	93,925	113,710	132,548
Chi phí BH&QL	(8,384)	(8,088)	(12,652)	(14,918)	(16,034)
Thu nhập khác	20,748	-	14,655	3,893	683
Chi phí khác	(2,898)	-	(21,176)	(22,501)	(20,547)
EBIT	42,432	38,255	74,752	80,183	96,651
Lãi vay thuần	(1,493)	14,180	8,535	10,242	10,242
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	3.21	2.14	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(95.0)	372	0	0	0
LNTT	40,848	52,810	83,287	90,426	106,894
Chi phí thuế TNDN	(5,775)	(9,475)	(14,575)	(15,825)	(18,706)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(3,271)	(1,440)	(6,436)	(8,442)	(9,116)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	31,801	41,895	62,276	66,159	79,072
Lợi nhuận thuần ĐC	31,804	41,897	62,276	66,159	79,072
EBITDA ĐC	44,236	40,555	79,390	83,405	100,309
EPS (đồng)	7,742	10,200	15,162	16,107	19,251
EPS ĐC (đồng)	7,743	10,200	15,162	16,107	19,251
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	4,107	4,107	4,107	4,107	4,107
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	4,107	4,107	4,107	4,107	4,107
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	4,107	4,107	4,107	4,107	4,107

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	28,780	49,962	23,839	68,791	40,968
Đầu tư ngắn hạn	5,392	2,259	2,259	2,259	2,259
Phải thu khách hàng	168,406	219,950	236,686	273,219	285,550
Hàng tồn kho	54,696	131,415	173,129	195,336	235,563
Các tài sản ngắn hạn khác	28,205	93,304	112,629	114,245	114,895
Tổng tài sản ngắn hạn	285,479	496,890	548,543	653,850	679,235
TSCĐ hữu hình	13,573	21,269	14,158	15,034	15,755
TSCĐ vô hình	997	1,020	1,126	1,153	1,191
Bất động sản đầu tư	16,916	15,919	25,304	28,004	30,953
Đầu tư dài hạn	12,328	12,225	12,225	12,225	12,225
Đầu tư vào Cty LD,LK	191	193	193	193	193
Tài sản dài hạn khác	234,724	240,342	264,976	277,308	281,120
Tổng tài sản dài hạn	278,730	290,967	317,982	333,917	341,436
Tổng cộng tài sản	564,209	787,857	866,524	987,767	#####
Nợ ngắn hạn	34,276	43,377	65,929	84,177	62,616
Phải trả người bán	19,960	19,961	15,326	16,764	18,958
Nợ ngắn hạn khác	168,735	177,967	205,467	239,124	261,558
Tổng nợ ngắn hạn	278,532	343,090	351,816	409,992	377,333
Nợ dài hạn	47,016	102,946	104,175	92,641	70,017
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1,464	2,172	2,172	2,172	2,172
Nợ dài hạn khác	14,183	88,386	88,386	88,386	88,386
Tổng nợ dài hạn	62,663	193,504	194,734	183,199	160,575
Tổng nợ phải trả	343,465	538,641	548,595	595,237	539,954
Vốn chủ sở hữu	202,636	238,079	300,355	366,514	445,585
Lợi ích cổ đông thiểu số	18,108	11,138	17,574	26,016	35,132
Tổng vốn chủ sở hữu	220,744	249,217	317,929	392,530	480,717
Tổng nợ phải trả và VCSH	564,209	787,857	866,524	987,767	#####
BVPS (đ)	49,334	57,963	73,125	89,232	108,483
Nợ thuần/(tiền mặt)	52,512	96,361	146,265	108,027	91,665

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	42,432	38,255	74,752	80,183	96,651
Khấu hao	(1,800)	(2,298)	(4,638)	(3,222)	(3,658)
Lãi vay thuần	(1,493)	14,180	8,535	10,242	10,242
Thuế TNDN đã nộp	(6,977)	(7,666)	(14,575)	(15,825)	(18,706)
Thay đổi vốn lưu động	(29,146)	24,384	(91,602)	(20,428)	(64,305)
Khác	(38,099)	(27,296)	(37,277)	(24,594)	(14,118)
LCT thuần từ HKKD	(22,400)	41,189	(42,888)	45,060	23,726
Đầu tư TS dài hạn	(10,645)	(15,431)	(7,016)	(6,822)	(7,364)
Góp vốn & đầu tư	(38,423)	#####	0	0	0
Thanh lý	68,340	29,978	0	0	0
Khác	6,112	42,690	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	25,385	(78,088)	(7,016)	(6,822)	(7,364)
Cổ tức trả cho CSH	(605)	(1,130)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	(10,463)	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	22,760	59,211	23,782	6,713	(44,185)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	11,692	58,081	23,782	6,713	(44,185)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	14,103	28,780	49,962	23,839	68,791
LCT thuần trong kỳ	14,677	21,182	(26,122)	44,952	(27,823)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	28,780	49,962	23,839	68,791	40,968
Dòng tiền tự do	(33,045)	25,758	(49,904)	38,238	16,362

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	32.2	30.2	48.6	46.3	49.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	43.2	26.5	41.1	33.9	37.6
Tỷ suất LNT (%)	31.1	27.3	32.2	26.9	29.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.1	17.9	17.5	17.5	17.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	(1.19)	49.8	26.1	27.2	8.54
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	5.19	(8.32)	95.8	5.06	20.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(4.73)	31.7	48.6	6.24	19.5
Tăng trưởng EPS (%)	(4.71)	31.7	48.6	6.24	19.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(4.73)	31.7	48.6	6.24	19.5
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	16.7	19.0	23.1	19.8	19.5
ROACE (%)	16.3	10.5	15.6	14.7	15.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.20	0.23	0.23	0.27	0.27
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.53)	1.08	(0.57)	0.56	0.25
Số ngày tồn kho	288	449	636	540	641
Số ngày phải thu	886	751	870	755	777
Số ngày phải trả	105	68.1	56.3	46.3	51.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	45.8	77.3	64.7	43.4	23.6
Nợ/tài sản (%)	21.5	29.7	25.2	23.1	14.3
EBIT/lãi vay (lần)	28.4	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.75	5.77	2.75	2.73	1.46
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.02	1.45	1.56	1.59	1.80
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.35	4.52	3.85	2.87	2.58
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.7	17.1	9.36	8.45	6.86
P/E (lần)	18.8	14.2	9.58	9.02	7.55
P/E ĐC (lần)	18.8	14.2	9.58	9.02	7.55
P/B (lần)	2.95	2.51	1.99	1.63	1.34
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn